

| TT | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN  | LỚP     | Điểm thành phần |                          |   |     |  | ĐTB<br>kiểm<br>tra<br>định<br>kì | F   | ĐIỂM TỔNG KẾT |               | Ghi chú |
|----|------------|----------------------|---------|-----------------|--------------------------|---|-----|--|----------------------------------|-----|---------------|---------------|---------|
|    |            |                      |         | A               | Điểm kiểm tra<br>định kỳ |   |     |  |                                  |     | SỐ            | CHỮ           |         |
|    |            |                      |         | 10%             |                          |   |     |  | 30%                              | 60% | 100%          |               |         |
|    |            |                      |         |                 | 1                        | 1 | 1   |  |                                  |     |               |               |         |
| 1  | 1812719114 | Lưu Mỹ Lai           | N18DLK4 | 8               | 8                        | 8 | 8   |  | 8.0                              | 8.0 | 8.0           | Tám           |         |
| 2  | 1813719019 | Nguyễn Cao Cấp       | N18DLK1 | 8               | 7                        | 6 | 6   |  | 6.3                              | LP  | 0.0           | Không         |         |
| 3  | 1813719192 | Nguyễn Phước         | N18DLK1 | 8               | 7                        | 7 | 6   |  | 6.7                              | V   | 0.0           | Không         |         |
| 4  | 1813719267 | Tiêu Phi Toàn        | N18DLK1 | 8               | 9                        | 8 | 7   |  | 8.0                              | LP  | 0.0           | Không         |         |
| 5  | 1813719314 | Phạm Hoàng Vũ        | N18DLK1 | 8               | 7                        | 7 | 5   |  | 6.3                              | 7.0 | 6.9           | Sáu phẩy Chín |         |
| 6  | 1813719116 | Phùng Duy Lâm        | N18DLK2 | 8               | 8                        | 7 | 7   |  | 7.3                              | LP  | 0.0           | Không         |         |
| 7  | 1812719275 | Phạm Thị Trâm        | N18DLK3 | 8               | 6.5                      | 7 | 8   |  | 7.2                              | 8.0 | 7.8           | Bảy phẩy Tám  |         |
| 8  | 1812719319 | Phan Thúy Vy         | N18DLK3 | 8               | 8                        | 7 | 5   |  | 6.7                              | 8.0 | 7.6           | Bảy phẩy Sáu  |         |
| 9  | 1812719063 | Huỳnh Thị Kim Hà     | N18DLK5 | 8               | 7                        | 6 | 5   |  | 6.0                              | 8.0 | 7.4           | Bảy phẩy Bốn  |         |
| 10 | 1813719097 | Phạm Lê Duy Hưng     | N18DLK5 | 8               | 7                        | 7 | 8   |  | 7.3                              | 8.0 | 7.8           | Bảy phẩy Tám  |         |
| 11 | 1813719292 | Phan Thành Tuấn      | N18DLK5 | 8               | 7                        | 7 | 8.5 |  | 7.5                              | 8.0 | 7.9           | Bảy phẩy Chín |         |
| 12 | 1813719010 | Nguyễn Đức Anh       | N18DLK6 | 8               | 7.5                      | 5 | 7   |  | 6.5                              | 8.0 | 7.6           | Bảy phẩy Sáu  |         |
| 13 | 1813719058 | Trần Hoàng Trung Đức | N18DLK6 | 8               | 7.5                      | 5 | 7   |  | 6.5                              | 8.0 | 7.6           | Bảy phẩy Sáu  |         |
| 14 | 1813719042 | Nguyễn Khánh Duy     | N18DLK6 | 8               | 7.5                      | 5 | 6   |  | 6.2                              | 8.0 | 7.5           | Bảy phẩy Năm  |         |
| 15 | 1813719066 | Hồ Viết Hà           | N18DLK6 | 8               | 7.5                      | 6 | 7   |  | 6.8                              | 8.0 | 7.6           | Bảy phẩy Sáu  |         |
| 16 | 1812719173 | Huỳnh Thị Quỳnh Như  | N18DLK6 | 8               | 7                        | 5 | 8   |  | 6.7                              | V   | 0.0           | Không         |         |
|    |            |                      |         |                 |                          |   |     |  |                                  |     |               |               |         |

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

| STT         | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SL | TỶ LỆ | GHI CHÚ |
|-------------|-------------------|----|-------|---------|
| 1           | Số sinh viên đạt  | 11 | 69%   |         |
| 2           | Số sinh viên nợ   | 5  | 31%   |         |
| TỔNG CỘNG : |                   | 16 | 100%  |         |

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA  
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2015  
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Nguyễn Thị Kim Phượng

Dương Mai Bảo Liên

ThS. Nguyễn Ân